

Bản án số: 185/2020/HS-PT
Ngày: 08-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo Hoàng N.Đ. Do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2020/QĐPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Hoàng N.Đ (tên gọi khác: Bo), sinh ngày 14/6/1978 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi ĐKKTT: 266/52E, khu phố 9, thị trấn L.N, huyện Đ.Tr, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: 25 Xuân Thủy, thị trấn L.N, huyện Đ.Tr, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng Agribank; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Hoàng V.N và bà Đào T.Th; Có vợ Phạm K.A (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giam từ ngày 11/5/2018 (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh Vũ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc Thu thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- Người bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn X.H; Nơi cư trú: 131 T.H.Đ, tổ 33, thị trấn L.N, huyện Đ.Tr, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2004 bị cáo Hoàng N.Đ là nhân viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Đ.Tr, nay là Chi nhánh Lâm Đồng (sau đây viết tắt Agribank), Đ ngày 28/9/2017 thì nghỉ việc.

Trong thời gian làm việc tại Agribank, bị cáo Đ được giao nhiệm vụ làm công tác tín dụng, nên biết rất nhiều khách hàng có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng, bị cáo Đ đã làm dịch vụ cho vay đáo hạn ngân hàng để hưởng tiền lãi.

Từ đầu năm 2014, bị cáo Đ vay của các Ngân hàng và vay tiền của nhiều người trên địa bàn huyện Đ.Tr, tỉnh Lâm Đồng với lãi suất cao và cho người khác có nhu cầu đáo hạn ngân hàng vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng tiền lời từ số lãi chênh lệch. Đến đầu năm 2017, số lượng người làm hồ sơ vay đáo hạn giảm dần, Đ vẫn vay tiền của nhiều người để cho vay đáo hạn nhưng phần lớn số tiền vay dùng để trả tiền gốc và lãi cho người khác, dẫn đến số tiền nợ ngày càng tăng lớn hơn nhiều lần so với thu nhập và tài sản của bị cáo Đ.

Khoảng đầu tháng 9 năm 2017, các Ngân hàng siết chặt cho vay và các chủ nợ biết được bị cáo Đ không còn khả năng tài chính nên không cho vay. Để có tiền trả cho chủ nợ, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn X.H qua hình thức gian dối vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Ngày 21/9/2017, Đ vay bà Trương T.D số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay của Đ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch Đ.Tr (sau đây viết tắt là Ngân hàng BIDV). Sau khi làm xong thủ tục đáo hạn và được Ngân hàng BIDV giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng Đ chỉ trả cho bà D 600.000.000 đồng. Bà D phát hiện Đ được Ngân hàng cho vay lại tiền mà không trả đủ nên bà D liên tục yêu cầu Đ trả đủ tiền. Đ đã liên lạc và hỏi vay mượn tiền rất nhiều người nhưng không ai cho vay.

Do Đ và ông Nguyễn X.H quen thân từ năm 2010, đồng thời ông H là khách hàng của Agribank. Lợi dụng sự quen biết, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông H bằng cách gọi điện thoại hỏi vay tiền để đáo hạn Ngân hàng.

Sáng ngày 25/9/2017, Đ gọi điện thoại cho ông H và nói dối với ông H cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn khoản vay 2.000.000.000 đồng đang vay tại Ngân hàng BIDV, Đ đã có 1.000.000.000 đồng và hẹn khoảng 03 ngày sau sẽ trả lại thì được ông H đồng ý. Đ nói như vậy để ông H tin thật và giao tiền, mục đích của Đ là có tiền để trả cho bà Trương T.D và trước khi mượn cũng chưa có phương án hay nguồn tiền nào để trả nợ cho ông H như đã hứa hẹn. Do lúc này ông H cũng đang cần vay số tiền 200.000.000 đồng nên ông H nói Đ làm hồ sơ đề nghị Agribank cho ông H vay số tiền

1.200.000.000 đồng. Sau khi làm xong thủ tục và được vay số tiền 1.200.000.000 đồng, khoảng 15 giờ cùng ngày, ông H gọi điện thoại cho Đ ra trước Ngân hàng BIDV để nhận tiền. Tại đây, Đ nhận của ông H số tiền 1.000.000.000 đồng, viết giấy nhận nợ với nội dung “mượn chú H số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn”. Hạn ngày 28/9/2017 trả lại đủ số tiền 1.000.000.000 đồng + lãi, nhưng việc ghi lãi là do Đ tự ghi, giữa Đ và ông H không có thỏa thuận gì về lãi suất. Nhận được tiền của ông H, bị cáo Đ đem trả cho bà Trương T.D.

Đến ngày trả nợ cho ông H nhưng Đ không có tiền để trả. Ông H đến nhà và gọi điện thoại nhiều lần yêu cầu trả nợ thì bị cáo Đ nói dối với ông H là đang chờ Ngân hàng giải ngân cho vay tiền. Ngoài ra, vào ngày 03/10/2017, Đ nhận được số tiền 5.900.000.000 đồng từ bà Dương Thị Th.L (thông qua việc bán đất cho bà L) nhưng bị cáo Đ cũng không trả cho ông H mà đem trả cho những người khác nên ngày 10/10/2017 ông H làm đơn gửi Công an huyện Đ.Tr tố cáo Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng triệu tập Đ lên làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về bồi thường thiệt hại, bị cáo trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông H và được ông H viết giấy xin giảm nhẹ hình phạt.

Tài liệu, đồ vật thu giữ gồm: một tờ giấy kẻ ô vuông (giấy học sinh) đề mục là giấy mượn tiền ngày 25/9/2017 đề tên Hoàng N.Đ “mượn chú Nguyễn X.H 1.000.000.000 đồng để đáo hạn”; một điện thoại di động Iphone màu vàng đồng hiệu số Model A1778FCCID:BCG-E3091A IC:579C- E091A của Đ. Cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại một điện thoại di động Iphone màu vàng đồng hiệu số Mode A1778FCCID:BCG-E3091A IC:579C-E091A cho anh Hoàng Nh.H (là em trai của Đ).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã kê biên tài sản: thửa đất số A1 1-L, tờ bản đồ số QHDC lô 90 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA842046 đứng tên Hoàng N.Đ, vợ là Phạm K.A. Cơ quan điều tra đã Quyết định hủy bỏ Lệnh kê biên tài sản số 01/QĐ-CSĐT(PC01) ngày 08/10/2018 đối với tài sản là thửa đất số A11-L, tờ bản đồ số QHDC lô 90 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA842046 đứng tên Hoàng N.Đ và vợ là Phạm K.A.

Tại bản Kết luận giám định số 454/GĐ-PC54 ngày 24/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, kết luận “Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng N.Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Hoàng N.Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra”.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Trong thời gian công tác tại Agribank, Đ còn vay tiền của 21 người khác với tổng số tiền là 105.290.000.000 đồng, mục đích cho khách hàng vay đáo hạn. Tuy nhiên, khi vay tiền của các

chủ nợ, Đ đều nói là vay tiền để cho vay đáo hạn Ngân hàng và viết giấy nhận nợ, không có ý thức gian dối để chiếm đoạt, có thoả thuận về lãi suất và thời hạn trả gốc và lãi. Xét thấy, hành vi vay tiền của bị cáo Đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án số 21/QĐ-CSĐT ngày 22/5/2018.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSLĐ-P1, ngày 18-10-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 259, khoản 2 Điều 260, các điều 299, 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố bị cáo Hoàng N.Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Hoàng N.Đ 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 12/12/2018, bị cáo Hoàng N.Đ nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/12/2018, ông Nguyễn X.H nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng N.Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Ông Nguyễn X.H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Bị cáo Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, để ông H tin rằng, bị cáo vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng, từ đó chiếm đoạt của ông H 1.000.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo Đ 12 năm tù là có căn cứ, không nặng như đơn kháng cáo của bị cáo đã nêu. Tại phiên tòa

phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng N.Đ trình bày:

Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và người bị hại cũng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52. Do đó, mức án 12 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Đ đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng N.Đ và ông Nguyễn X.H: Đơn kháng cáo của bị cáo Đ và ông H được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng N.Đ tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có đủ cơ sở pháp lý để xác định:

Đề có tiền trả cho bà Trương T.D, ngày 25/9/2017, Hoàng N.Đ đặt vấn đề vay của ông Nguyễn X.H số tiền 1.000.000.000 đồng để làm thủ tục đáo hạn cho khoản vay 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng BIDV. Khi vay, Đ nói đã có 1.000.000.000 đồng và mặc dù chưa có nguồn tiền hay phương án trả nợ nhưng Đ vẫn hẹn 03 ngày sau sẽ trả lại cho ông H. Tin lời, ông H đã giao 1.000.000.000 đồng cho Đ. Đ viết giấy nhận nợ với nội dung “mượn chú Hạnh số tiền 1.000.000.000 đồng để đáo hạn”. Hẹn ngày 28/9/2017 trả lại đủ số tiền 1.000.000.000 đồng + lãi”. Nhận được tiền của ông H, Đ đem trả cho bà D.

Đến hạn trả nợ cho ông H nhưng Đ không có tiền để trả. Ông H đến nhà và gọi điện thoại nhiều lần yêu cầu trả nợ thì bị cáo Đ nói dối với ông H là đang chờ Ngân hàng giải ngân cho vay tiền.

Ngoài ra, vào ngày 03/10/2017, Đ nhận được số tiền 5.900.000.000 đồng từ bà Dương Thị Th.L (thông qua việc bán đất cho bà L) nhưng cũng không trả cho ông H mà đem trả cho những người khác.

Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức được

hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị. Nhưng vì động cơ muốn có tiền để trả nợ cho người khác, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của ông H. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; làm xáo trộn cuộc sống của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại và người bị hại cũng có đơn bãi nại, đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52. Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các điều kiện để Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mức án 12 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị cáo, của người bị hại và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng N.Đ và ông Nguyễn X.H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[1] Tuyên bố bị cáo Hoàng N.Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Hoàng N.Đ 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2018.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng N.Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.